

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 276/QBV&PTR-KHK T
V/v kế hoạch chi trả tiền giảm phát thải
khí nhà kính cho các chủ rừng là cộng
đồng, nhóm hộ; UBND cấp xã trên địa
bàn huyện Phong Điền năm 2024

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 9 năm 2024

Kính gửi:

- UBND huyện Phong Điền;
- Hạt Kiểm lâm huyện Phong Điền;
- UBND các xã: Điền Hương, Điền Môn, Phong Bình,
Phong Hòa, Phong Mỹ, Phong Xuân, Phong Sơn,
Phong Thu huyện Phong Điền.

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Kế hoạch thực hiện Nghị định số 107/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-BNN-TCLN ngày 21/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch chia sẻ lợi ích từ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt danh sách cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trong khu vực tiếp giáp với khu rừng hoặc nằm trong khu rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2024 nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo kế hoạch chi trả tiền giảm phát thải khí nhà kính cho các chủ rừng là cộng đồng, nhóm hộ; Ủy ban nhân



dân cấp xã được Nhà nước giao quản lý rừng tự nhiên trên địa bàn huyện Phong Điền năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Phạm vi, đối tượng chi trả giảm phát thải khí nhà kính

a) Phạm vi chi trả:

Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên chi trả giảm phát thải khí nhà kính cho các chủ rừng là cộng đồng, nhóm hộ, hộ gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã được Nhà nước giao quản lý rừng trên địa bàn huyện Phong Điền năm 2024 có tổng diện tích là 5.391,86 ha.

b) Đối tượng chi trả:

- UBND các xã thuộc huyện Phong Điền: Điền Hương, Điền Môn, Phong Bình, Phong Hòa, Phong Mỹ, Phong Xuân, Phong Sơn, Phong Thu.

- Cộng đồng, nhóm hộ, hộ gia đình thuộc các xã: Phong Sơn, Phong Xuân, Phong Mỹ.

2. Mức chi trả giảm phát thải khí nhà kính năm 2024

Tổng số tiền chi trả giảm phát thải khí nhà kính cho các chủ rừng là cộng đồng, nhóm hộ, hộ gia đình, UBND cấp xã trên địa bàn huyện Phong Điền năm 2024 là 1.105.331.000 đồng; mức chi trả cho 01 ha rừng tự nhiên là 205.000 đồng/ha. Sử dụng tiền chi trả giảm phát thải khí nhà kính như sau:

- Chủ rừng là cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình được sử dụng toàn bộ số tiền chi trả để quản lý bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống.

- UBND cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tự nhiên sử dụng tiền được chi trả theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

- Kinh phí chi trả như sau:

TT	Đối tượng hưởng lợi	Diện tích chi trả (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Thành tiền (đồng)	Số lượng
1	Ủy ban nhân dân cấp xã	1.883,50	205.000	386.117.000	8
2	Cộng đồng	3.222,13	205.000	660.536.000	11
3	Nhóm hộ	286,23	205.000	58.678.000	2
Tổng cộng		5.391,86		1.105.331.000	21

(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm linh năm triệu, ba trăm ba mươi một nghìn đồng./.)

(Có phụ lục kèm theo)

3. Thời gian và hình thức chi trả

- Số lần chi trả: 02 lần/năm

+ Lần 1: Căn cứ kế hoạch tài chính năm 2024 nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ của tỉnh Thừa Thiên Huế được phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tạm ứng 80% kế hoạch chi trả cho các đối tượng được hưởng lợi.

+ Lần 2: Căn cứ kết quả theo dõi diễn biến rừng của năm, kết quả thực hiện rà soát, thống kê diện tích rừng tự nhiên, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thanh toán tiền chi trả giảm phát thải khí nhà kính năm 2024 cho các đối tượng được hưởng lợi.

- Hình thức chi trả:


+ Đối với UBND cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chuyển trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của đơn vị.

+ Đối với cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình thực hiện chi trả qua tài khoản ngân hàng, thanh toán điện tử, qua đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính công ích; đảm bảo an toàn, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

Đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện Phong Điền, UBND các xã thông báo diện tích, số tiền và hình thức chi trả đến cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình có thực hiện chi trả giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn được biết; đồng thời niêm yết công khai công văn thông báo này tại trụ sở UBND cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn/bản.

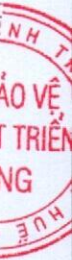
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo đến các đơn vị biết, tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lãnh đạo Quỹ;
- Lưu: VT, HC-TH, KH-KT. 



Nguyễn Tất Tùng



Phụ lục: TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI TRẢ GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CHO CÁC CHỦ RỪNG LÀ CỘNG ĐỒNG, NHÓM HỘ, HỘ GIA ĐÌNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHONG ĐIỀN NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 266 /QBV&PTR-KHKT ngày 14 / 9 /2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế)



STT	Đối tượng hưởng lợi	Số lượng	Diện tích chi trả (ha)	Đơn giá chi trả (đồng)	Số tiền chi trả (đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1*2</i>
	Tổng cộng	21	5.391,86	-	1.105.331.000
I	Chủ rừng là cộng đồng, nhóm hộ	13	3.508,36	-	719.214.000
1	Xã Phong Mỹ	6	1.912,49	-	392.060.000
<i>a</i>	<i>Cộng đồng</i>	<i>6</i>	<i>1.912,49</i>		<i>392.060.000</i>
1	Cộng đồng bản Hạ Long	1	329,36	205.000	67.519.000
2	Cộng đồng bản Khe Trăn	1	214,12	205.000	43.895.000
3	Cộng đồng thôn Đông Thái	1	222,04	205.000	45.518.000
4	Cộng đồng thôn Hòa Mỹ	1	254,25	205.000	52.121.000
5	Cộng đồng thôn Phước Thọ	1	334,86	205.000	68.646.000
6	Cộng đồng thôn Tân Mỹ	1	557,86	205.000	114.361.000
2	Xã Phong Sơn	3	344,28	-	70.578.000
<i>a</i>	<i>Nhóm hộ</i>	<i>2</i>	<i>286,23</i>		<i>58.678.000</i>
1	NH Trần Bá Quang (NH Sơn Quả)	1	127,92	205.000	26.224.000
2	NH Trần Thước (NH Thanh Tân)	1	158,31	205.000	32.454.000
<i>b</i>	<i>Cộng đồng</i>	<i>1</i>	<i>58,05</i>		<i>11.900.000</i>
1	CĐ thôn Công Thành	1	58,05	205.000	11.900.000
3	Xã Phong Xuân	4	1.251,59	-	256.576.000
<i>a</i>	<i>Cộng đồng</i>	<i>4</i>	<i>1.251,59</i>		<i>256.576.000</i>
1	Cộng đồng thôn Bình An	1	172,46	205.000	35.354.000
2	Cộng đồng thôn Tân Lập	1	390,18	205.000	79.987.000
3	Cộng đồng thôn Vinh Ngạn	1	276,36	205.000	56.654.000
4	Cộng đồng thôn Vinh Phú	1	412,59	205.000	84.581.000
II	Ủy ban nhân dân cấp xã	8	1.883,50		386.117.000
1	Xã Diên Hương	1	96,32	205.000	19.746.000
2	Xã Diên Môn	1	61,90	205.000	12.690.000
3	Xã Phong Bình	1	239,29	205.000	49.054.000
4	Xã Phong Hòa	1	34,47	205.000	7.066.000
5	Xã Phong Mỹ	1	866,07	205.000	177.544.000

STT	Đối tượng hưởng lợi	Số lượng	Diện tích chi trả (ha)	Đơn giá chi trả (đồng)	Số tiền chi trả (đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=1*2$
6	Xã Phong Sơn	1	132,24	205.000	27.109.000
7	Xã Phong Thu	1	13,54	205.000	2.776.000
8	Xã Phong Xuân	1	439,67	205.000	90.132.000